TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08/01/2024 V/v: Xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Nguyên Lâm;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương;

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: **Bà Đỗ Khánh Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991; Cư trú: Treo 1, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như Mạnh H, sinh năm 1982; Cư trú: thôn Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 10/10/2023 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – Chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Như Mạnh H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2011 tại UBND phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị, còn là lần kết hôn thứ hai của anh H. Trước đó anh H đã kết hôn và ly hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên thay đổi chỗ ở, khi thì thuê nhà, khi thì về chung sống tại khu tập thể A72, xóm Trường Xuân, thôn Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, là nhà của mẹ anh H. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường ghen tuông, nghi ngờ, không tin tưởng chị nên vợ chồng cãi nhau, bất

đồng quan điểm. Mâu thuẫn dai dẳng đến cuối năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh H ở cùng mẹ anh H (ở xã An Khánh). Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không nói chuyện, trao đổi với nhau để hoà giải quay lại đoàn tụ, không liên lạc, trao đổi gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Vợ chồng mâu thuẫn trong nhà, không thể hiện ra bên ngoài nên chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung, chị và anh H không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nhà ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn – anh Nguyễn Như Mạnh H lên Tòa để lấy lời khai nhưng anh Hà không có mặt, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Con chung, không có; tài sản chung, nhà ở chung, chị H không yêu cầu; công nợ, không có. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Như Mạnh H theo quy định pháp luật nhưng anh Hà vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] <u>Về nội dung vụ án</u>:

2.1. *<u>Về hôn nhân</u>:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Như Mạnh H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2011 tại UBND phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng chỉ có chị H có mặt, anh H không đến Tòa và không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không gửi cho Toà án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình. Do vậy, Toà án không lấy được lời khai của anh H nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của anh H.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu do Toà án thu thập tại địa phương nơi anh chị chung sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội một thời gian ngắn và không thường xuyên. Quá trình chung sống tại đây, mâu thuẫn của anh chị không thể hiện ra bên ngoài và UBND xã không nhận được đơn thư hoà giải nên không nắm được mâu thuẫn vợ chồng anh chị.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, chị H, anh H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2017, từ năm 2019 chị H về sống với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Có thể thấy, chị H, anh H kết hôn từ năm 2011 thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và đến 2019 thì vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng cũng không trao đổi, quan tâm đến nhau và không tìm hướng hoà giải, khắc phục mâu thuẫn, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm sâu sắc, điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị H xin ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *<u>Về con chung</u>:* Chị H xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. *Về công nợ:* Chị H xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, chị H không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh H không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh H khi có đơn yêu cầu.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Chị H, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Nguyễn Như Mạnh H. Chị H được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Chị H, anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh H khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí*:* Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai

thu số 5265 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị H, vắng mặt anh Nguyễn Như Mạnh H. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- VKSND h.Hoài Đức;* *- TAND TP.Hà Nội;* *- VKSND TP.Hà Nội;* *- Chi cục THADS h.Hoài Đức;* *-UBND P.Đông Ngạc, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 06/5/2011).* *- Lưu HS,VP.*	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Phạm Thị Lan Anh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**